**Phụ lục**

**THUYẾT MINH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN CẤP PHÉP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG,**

**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy định tại các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)[[1]](#footnote-1)** | **Quy định tại dự thảo Nghị định** | **Lý do quy định/sửa đổi, bổ sung** |
|  | **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG** |  |
|  | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô. | Nghị định của Chính phủ nhằm hướng dẫn khoản 5 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024: *“5. Điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do Chính phủ quy định.”* |
|  | Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Ngân hàng thương mại.  2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng. 4. Quỹ tín dụng nhân dân.5. Tổ chức tài chính vi mô.6. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, cấp Giấy phép thành lập của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô. | Quy định để phù hợp với các đối tượng áp dụng của Nghị định |
| 1. Khoản 4 Điều 2 Thông tư 40: *4. Ngân hàng 100% vốn nước ngoài* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng nước ngoài; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là một ngân hàng nước ngoài hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong đó phải có một ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ. 2. Khoản 5 Điều 2 Thông tư 40: *5. Ngân hàng liên doanh* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của Bên Việt Nam (gồm tối thiểu một ngân hàng Việt Nam và tối đa một doanh nghiệp Việt Nam không phải ngân hàng) và Bên nước ngoài (gồm tối thiểu một ngân hàng nước ngoài và tối đa một doanh nghiệp nước ngoài không phải ngân hàng) trên cơ sở hợp đồng liên doanh; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng liên doanh được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nhưng không quá 05 thành viên, trong đó một thành viên và người có liên quan không được sở hữu vượt quá 50% vốn điều lệ.  **3. Cổ đông sáng lập:**  a) Của ngân hàng thương mại quy định tại khoản 11 Điều 2 Thông tư 40: Cổ đông sáng lập là cổ đông góp vốn thành lập tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của ngân hàng thương mại cổ phần.  b) Của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 30: *Cổ đông sáng* lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.  **4. Thành viên góp vốn:**  a) Khoản 13 Điều 2 Thông tư 40: *Thành viên góp vốn* là ngân hàng, doanh nghiệp không phải ngân hàng góp vốn vào ngân hàng liên doanh; là tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn vào ngân hàng 100% vốn nước ngoài.  b) Khoản 6 Điều 3 Thông tư 30: *Thành viên góp vốn* là doanh nghiệp Việt Nam, ngân hàng thương mại Việt Nam, tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn vào tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.  c) Khoản 2 Điều 3 Thông tư 03: *Thành viên góp vốn* là tổ chức, cá nhân góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô.  **5. Thành viên sáng lập:**  a) Khoản 14 Điều 2 Thông tư 40: *Thành viên sáng lập* là thành viên góp vốn tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.  b) Khoản 7 Điều 3 Thông tư 30: *Thành viên sáng lập* là thành viên góp vốn và ký tên trong danh sách thành viên sáng lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.  c) Khoản 3 Điều 3 Thông tư 03: *Thành viên sáng lập* là thành viên góp vốn tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của tổ chức tài chính vi mô.  **6. Chủ sở hữu:**  a) Khoản 16 Điều 2 Thông tư 40: Chủ sở hữu là tổ chức sở hữu toàn bộ vốn của ngân hàng thương mại là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.  b) Khoản 8 Điều 3 Thông tư 30: *Chủ sở hữu* là ngân hàng thương mại Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên.  **7. Khoản 17 Điều 2 Thông tư 40**: Ngân hàng mẹ là ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập chi nhánh hoặc có chi nhánh tại Việt Nam.  **8. Khoản 2 Điều 3 Thông tư 04:** *Thành viên quỹ tín dụng nhân dân* là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này và tán thành Điều lệ, tự nguyện tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. | Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Ngân hàng 100% vốn nước ngoài* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng nước ngoài; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là một ngân hàng nước ngoài hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong đó phải có một ngân hàng nước ngoài sở hữu ***trên*** 50% vốn điều lệ.  2. *Ngân hàng liên doanh* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của Bên Việt Nam (gồm tối thiểu một ngân hàng Việt Nam và tối đa một doanh nghiệp Việt Nam không phải ngân hàng) và Bên nước ngoài (gồm tối thiểu một ngân hàng nước ngoài và tối đa một doanh nghiệp nước ngoài không phải ngân hàng) trên cơ sở hợp đồng liên doanh; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng liên doanh được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nhưng không quá 05 (năm) thành viên, trong đó một thành viên và người có liên quan không được sở hữu vượt quá 50% vốn điều lệ.  3. *Cổ đông sáng lập của ngân hàng thương mại* ***cổ phần*** là cổ đông ***sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập ngân hàng thương mại cổ phần***.  4. *Cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần.  5. *Thành viên góp vốn của ngân hàng thương mại* là ngân hàng, doanh nghiệp không phải ngân hàng góp vốn vào ngân hàng liên doanh; là tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn vào ngân hàng 100% vốn nước ngoài.  6. *Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng* là doanh nghiệp Việt Nam, ngân hàng thương mại Việt Nam, tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn vào tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.  7. *Thành viên góp vốn của tổ chức tài chính vi mô* là ***pháp nhân,*** tổ chức ***trong nước*** góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô ***là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên***.  8. *Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài* là thành viên góp vốn tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào ***Điều lệ đầu tiên*** của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.  9. *Thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng* là thành viên góp vốn ***tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào Điều lệ đầu tiên*** của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.  10. *Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô* là thành viên góp vốn tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của tổ chức tài chính vi mô ***là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên***.  11. *Thành viên sáng lập của* ***quỹ tín dụng nhân dân là thành viên tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của quỹ tín dụng nhân dân.***  12. *Chủ sở hữu của ngân hàng thương mại* là tổ chức sở hữu toàn bộ vốn của ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.  13. *Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng* là ngân hàng thương mại Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên.  14. *Chủ sở hữu c****ủa tổ chức tài chính vi mô là tổ chức chính trị - xã hội sở hữu toàn bộ vốn của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.***  15. *Ngân hàng mẹ* là ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập chi nhánh hoặc có chi nhánh tại Việt Nam.  16. *Thành viên quỹ tín dụng nhân dân* là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này và tán thành Điều lệ, tự nguyện tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân. | **1.** Dự thảo Nghị định giữ nguyên các từ ngữ, khái niệm sau tại các quy định có liên quan của NHNN:  + Ngân hàng liên doanh;  + Cổ đông sáng lậpcủa tổ chức tín dụng phi ngân hàng;  + Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;  + Chủ sở hữu của ngân hàng thương mại;  + Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;  + Ngân hàng mẹ;  + Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân.  **2.** Đối với khái niệm *“ngân hàng 100% vốn nước ngoài”*: Dự thảo Nghị định bổ sung từ *“trên”* 50% vốn điều lệ để phù hợp với quy định tại Điều 23 Luật Đầu tư năm 2020.  3. Đối với khái niệm “*Cổ đông sáng lập của ngân hàng thương mại*”: Dự thảo bổ sung cụm từ “*cổ phần*” và chỉnh sửa lại cho phù hợp với Khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.  4. Dự thảo Nghị định bổ sung, điều chỉnh một số khái niệm “Thành viên góp vốn của tổ chức tài chính vi mô”; “Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh”; “Thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng”; “Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô”; “Thành viên sáng lập của quỹ tín dụng nhân dân”; “Chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô” để phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và đặc thù hoạt động của tổ chức tài chính vi mô thời gian qua. |
|  | **Chương II: QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI CHỦ SỞ HỮU CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, THÀNH VIÊN SÁNG LẬP** |  |
| **Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 40 quy định điều kiện đối với cổ đông sáng lập của ngân hàng thương mại cổ phần**  2. Điều kiện đối với cổ đông sáng lập:  a) (được bãi bỏ);  b) (được bãi bỏ);  c) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác;  d) (được bãi bỏ);  đ) Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập;  e) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm c, đ khoản này, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau:  (i) Mang quốc tịch Việt Nam;  (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp;  (iii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân để góp vốn;  (iv) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành kinh tế hoặc luật.  g) Ngoài các điều kiện quy định tại điểm c, đ khoản này, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:  (i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;  (ii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;  (iii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (v) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.  (vi) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (vii) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của pháp luật;  (viii) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật;  (ix) Trường hợp là ngân hàng thương mại:  - Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  - Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  - Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;  - Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần. | **Điều 4. Điều kiện đối với cổ đông sáng lập của ngân hàng thương mại cổ phần**  1. Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác;  2. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ khi thành lập ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập ***nhưng không vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng****;*  3. Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều này, cổ đông sáng lập là cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau:  a) Mang quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  b) Không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Doanh nghiệp***, Luật Cán bộ, công chức và*** ***các quy định khác của pháp luật có liên quan;***  c) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, ***không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức;***  d) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành ***tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán***.  ***đ) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng trong vòng 05 (năm) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.***  4. Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều này, cổ đông sáng lập là tổ chức phải đáp ứng các điều kiện sau:  a) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;  b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, ***không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn***; ***không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức***  c) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  d) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng trong 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  đ) Kinh doanh có lãi trong 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.  e) Trường hợp là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  g) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của pháp luật;  h) Trường hợp là tổ chức được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật;  k) Trường hợp là ngân hàng thương mại:  (i) Có tổng tài sản tối thiểu là 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  (ii) Không vi phạm các tỷ lệ về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  (iii) Tuân thủ điều kiện, giới hạn mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng;  (iv) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.  ***(v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.*** | 1. Tại khoản 2: Dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện *“nhưng không vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng”* để đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.  2. Tại điểm b, khoản 3: Dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức *“và các quy định khác của pháp luật có liên quan”* để đầy đủ và bao quát hơn (bao gồm quy định của pháp luật về phòng chống, tham nhũng – nếu có).  3. Tại điểm c khoản 3: Dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện “*không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức*” để đầy đủ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.  4. Tại điểm d khoản 3: Dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện *“tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.”* để đầy đủ và phù hợp với thực tiễn các lĩnh vực/chuyên ngành đào tạo về kinh tế, ngân hàng, tài chính...  5. Bổ sung điểm đ khoản 3 để đầy đủ và thống nhất với quy định tại Điều 5, Điều 9 về việc cổ đông sáng lập là cá nhân không được vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng trong thời gian nhất định trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép...  6. Tại điểm b khoản 4: Dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện “*không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức*” để đầy đủ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.  7. Bổ sung tiết (v) điểm k khoản 4 để đầy đủ và thống nhất với quy định tại Điều 8 về việc cổ đông sáng lập là tổ chức không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. |
| **Điều 10 Thông tư số 40 quy định về điều kiện đối với thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh, chủ sở hữu là tổ chức tín dụng nước ngoài của ngân hàng 100% vốn nước ngoài**  1. (được bãi bỏ)  2. Điều kiện đối với thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức tín dụng nước ngoài:  a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:  (i) Triển vọng từ mức ổn định trở lên;  (ii) Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody’s). Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đó phải chuyển đổi thứ hạng tín nhiệm tương ứng, phù hợp với thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings.  c) Có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  d) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đôla Mỹ vào cuối năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  đ) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  e) Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.  3. Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 9 Thông tư này.  4. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài. | **Điều 5. Điều kiện đối với chủ sở hữu là tổ chức tín dụng nước ngoài của ngân hàng 100% vốn nước ngoài**  1. Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong vòng 05 (năm) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  2. Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:  ***a) Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đó phải chuyển đổi thứ hạng tín nhiệm tương ứng, phù hợp với thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings;***  ***b) Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm a khoản này từ mức ổn định trở lên.***  3. Có lãi trong 05 (năm) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  4. Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đôla Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  5. Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;  6. Không phải là chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.  7. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài. | Dự thảo Nghị định điều chỉnh khoản 2 Điều 5 về xếp hạng của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế nhằm: (i) Làm rõ hơn quy định và thứ tự công bố kết quả xếp hạng được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế công bố *(thứ hạng tín nhiệm sau đó đến triển vọng của thứ hạng tín nhiệm);* (ii) bổ sung thời điểm thứ hạng tín nhiệm là *“thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép”* để phù hợp với thực tiễn xếp hạng tín nhiệm của các tổ chức tín dụng nước ngoài. |
| **Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 40 quy định về điều kiện đối với thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh**  3. Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 9 Thông tư này.  **Điểm b(iii) khoản 3 Điều 31 Thông tư số 40 quy định điều kiện của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải là ngân hàng :**  - Được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài;  - Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn vào ngân hàng liên doanh theo quy định của pháp luật;  - Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật;  - Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đối với phần vốn góp từ trên 1% đến dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh hoặc có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp đối với phần vốn góp từ 1% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh;  - Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán của năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;  - Kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;  - Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;  - Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp;  - Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. | **Điều 6. Điều kiện đối với thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh**  1. Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là tổ chức tín dụng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 5 Nghị định này.  2. Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện đối với ngân hàng thương mại quy định tại khoản 1, 4 Điều 4 Nghị định này.  3. Thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:  a) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài;  b) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép tham gia góp vốn vào ngân hàng liên doanh theo quy định của pháp luật;  c) Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật;  d) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kềnămnộp hồ sơ đề nghị ***cấp Giấy phép*** đối với phần vốn góp từ trên 1% đến dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh hoặc có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị ***cấp Giấy phép*** đối với phần vốn góp từ 1% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh;  đ) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán của năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị ***cấp Giấy phép***;  e) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị ***cấp Giấy phép***;  g) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn;  h) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị ***cấp Giấy phép***;  k) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.  4. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh. | Tại điểm d, đ, e, h khoản 3 Điều 6: Dự thảo Nghị định điều chỉnh cụm từ *“nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp”*  thành *“nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép”* để phù hợp với các quy định về điều kiện về cấp Giấy phép đề nghị thành lập ngân hàng liên doanh. |
| **Điều 11 Thông tư số 40 quy định điều kiện đối với ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. (được bãi bỏ)  2. Điều kiện đối với ngân hàng mẹ:  a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 10 Thông tư này;  b) Ngân hàng mẹ có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đôla Mỹ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép. | **Điều 7. Điều kiện đối với ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 4 Nghị định này.  ***2. Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng mẹ phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.*** | Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 Thông tư 40 (về điêu kiện tổng tài sản và tình hình tài chính) để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“2. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được cấp Giấy phép khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:*  *… d)* *Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước…”*. |
| **Điều 11 Thông tư số 30 quy định đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng**  1. Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.  2. Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn.  3. Ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cổ đông sáng lập là cá nhân phải tuân thủ các quy định sau đây:  a) Mang quốc tịch Việt Nam;  b) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức.  4. Ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cổ đông sáng lập là tổ chức phải tuân thủ các quy định sau đây:  a) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;  b) Kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  c) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  d) Đối với tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):  (i) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;  (ii) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật có liên quan;  đ) Đối với ngân hàng thương mại Việt Nam:  (i) Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  (ii) Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  (iii) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;  (iv) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. | **Điều 8. Điều kiện đối với cổ đông sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng**  1. Không phải là cổ đông chiến lược, cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.  2. Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn.  3. Ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cổ đông sáng lập là cá nhân phải tuân thủ các quy định sau đây:  a) Mang quốc tịch Việt Nam, ***có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;***  b) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức ***và các quy định khác của pháp luật có liên quan;***  ***c) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức;***  ***d) Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;***  ***đ) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng trong vòng 05 (năm) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.***  4. Ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cổ đông sáng lập là tổ chức phải tuân thủ các quy định sau đây:  a) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam;  ***b) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;***  c) Kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  d) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  đ) Đối với tổ chức là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam):  (i) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 500 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong 03 (ba) năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;  (ii) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật có liên quan;  đ) Đối với ngân hàng thương mại Việt Nam:  (i) Có tổng tài sản tối thiểu 100.000 tỷ đồng, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  (ii) Không vi phạm các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  (iii) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu sau khi góp vốn thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng;  (iv) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 02 (hai) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. | Dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện cổ đông sáng lập của cổ đông sáng lập là cá nhân của TCTD phi ngân hàng  *để đầy đủ và thống nhất* với điều kiện đối với cổ đông sáng lập là cá nhân của ngân hàng thương mại quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định. Theo đó, các điều kiện bổ sung đối với cổ đông sáng lập là cá nhân của TCTD phi ngân hàng bao gồm:  - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  - Không thuộc các đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo các quy định khác của pháp luật có liên quan;  - Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức;  - Là người quản lý doanh nghiệp kinh doanh có lãi trong ít nhất 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoặc có bằng đại học, trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;  - Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng trong vòng 05 (năm) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép. |
| **Điều 12 Thông tư số 30 quy định đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng**  1. Thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam) phải tuân thủ các quy định sau đây:  a) Các quy định tại khoản 1, khoản 2 và các điểm a, b, c khoản 4 Điều 11 Thông tư này;  b) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;  c) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật có liên quan.  2. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 4 Điều này) phải tuân thủ các quy định tại khoản 1, khoản 2 và các điểm b, c, đ khoản 4 Điều 11 Thông tư này.  3. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau đây:  a) Quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 Thông tư này;  b) Có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  c) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nguyên xứ trong 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  d) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng từ mức ổn định trở lên, mức có khả năng thực hiện các cam kết tài chính và hoạt động bình thường ngay cả khi tình hình, điều kiện kinh tế biến đổi theo chiều hướng không thuận lợi;  đ) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nguyên xứ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;  e) Không phải là cổ đông chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;  g) Trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài là công ty cho thuê thì số dư cho thuê tài chính và cho vay phải chiếm tối thiểu 70% tổng tài sản của công ty.  4. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt (sau đây gọi là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc) phải tuân thủ các quy định sau đây:  a) Quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 11 Thông tư này;  b) Có mức vốn điều lệ tối thiểu bằng tổng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật. 5. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, chủ sở hữu, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn. | **Điều 9. Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng**1. Thành viên sáng lập là doanh nghiệp Việt Nam (trừ ngân hàng thương mại Việt Nam) phải tuân thủ các quy định sau đây:a) Các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 và các điểm a, b, c khoản 4 Điều 8 Nghị định này;b) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 (ba) năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu mức vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn cam kết góp;c) Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định của pháp luật có liên quan.2. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam (trừ trường hợp chủ sở hữu quy định tại khoản 4 Điều này) phải tuân thủ các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 và các điểm b, c, đ khoản 4 Điều 8 Nghị định này.3. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau đây:***a) Đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;***b) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính trong 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; ***c) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:***  ***(i) Thứ hạng tín nhiệm từ mức A- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức A3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đó phải chuyển đổi thứ hạng tín nhiệm tương ứng, phù hợp với thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings;*** ***(ii) Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại tiết (i) điểm này từ mức ổn định trở lên.*** d) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;đ) Không phải là cổ đông chiến lược, chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;e) Trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài là công ty cho thuê thì số dư cho thuê tài chính và cho vay phải chiếm tối thiểu 70% tổng tài sản của công ty ***vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.***4. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, chủ sở hữu, các thành viên sáng lập phải cùng nhau sở hữu 100% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn.***5. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt phải tuân thủ các quy định sau đây:***a) Quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 4 Điều 8 Nghị định này;b) Có mức vốn điều lệ tối thiểu bằng tổng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật ***đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;******c) Thời hạn sở hữu quy định tại khoản 4 Điều này thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.*** | a) Về cơ bản, dự thảo Nghị định giữ nguyên quy định tại Thông tư số 30.  b) Tuy nhiên, hiện quy định tại Thông tư số 30 *chưa quy định* thứ hạng tín nhiệm cụ thể đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng phi ngân hàng là tổ chức tín dụng nước ngoài. Do đó, để đảm bảo chủ sở hữu, thành viên sáng lập TCTD phi ngân hàng có khả năng quản trị, năng lực tài chính, chất lượng tín dụng tốt, khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính cao..., cần thiết bổ sung điều kiện về xếp hạng tín nhiệm tại Điều này như quy định đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ ngân hàng thương mại.  Ngoài ra, các ngân hàng thương mại và các TCTD phi ngân hàng *có sự khác biệt rất lớn về quy mô, phạm vi, mục tiêu hoạt động cũng như mức độ rủi ro đối với hệ thống ngân hàng.* TCTD phi ngân hàng không được nhận tiền gửi của cá nhân, khách hàng cá nhân sẽ không chịu rủi ro tín dụng liên quan đến TCTD phi ngân hàng. Về mục tiêu hoạt động, TCTD phi ngân hàng chủ yếu phục vụ nhóm khách hàng không đủ điều kiện tiếp cận tín dụng từ ngân hàng, đồng thời phổ cập kiến thức tài chính cũng như cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho nhóm khách hàng này, góp phần thực thi chính sách đẩy lùi “tín dụng đen” của Chính phủ trong những năm gần đây. Do đó, điều kiện về xếp hạng tín nhiệm của chủ sở hữu tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thể được *quy định thấp hơn* mức xếp hạng áp dụng đối với chủ sở hữu của ngân hàng thương mại.  Cùng với đó, việc xem xét điều chỉnh mức thứ hạng tín nhiệm đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài của tổ chức tín dụng phi ngân hàng để phù hợp với *mục tiêu* của Đề án *“Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025”* ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8/6/2022 (Quyết định số 689), cụ thể:  *“-… khuyến khích, thu hút nhà đầu tư có đủ năng lực trong nước và nước ngoài tham gia cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng* *tổ chức tín dụng …*  *- ... khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng có đủ năng lực tài chính, quản trị tham gia hợp nhất, sáp nhập, mua lại tổ chức tín dụng quy mô nhỏ hoặc tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động”.*  Đồng thời, việc điều chỉnh cũng phải phù hợp với *mục tiêu tổng quát* tại Quyết định số 689 *“…phấn đấu đến năm 2025 giảm số lượng các tổ chức tín dụng.”*  Theo kết quả xếp hạng tín nhiệm công bố ngày 8/12/2023 của Fitch Ratings, mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức *BB+*, triển vọng *“Ổn định”*. Trong khi đó, Vietcombank là ngân hàng của Việt Nam duy nhất nằm trong danh sách 100 ngân hàng an toàn nhất thế giới 2023 (World’s Safest Banks – Global) được Fitch Ratings xếp hạng công bố ngày 8/12/2023 lên mức *BB+*, triển vọng *“Ổn định”*. Như vậy, mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam cũng như ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam có thể là mức tham khảo để áp dụng cho mức thứ hạng tín nhiệm đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại dự thảo Nghị định.  Trên cơ sở các lý do nêu trên, dự thảo Nghị định quy định điều kiện về xếp hạng tín nhiệm đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập TCTD phi ngân hàng là TCTD nước ngoài (từ mức A- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức A3 trở lên (theo Moody’s)).  c) Ngoài ra, đối với trường hợp chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt, NHNN đã điều chỉnh quy định thời hạn sở hữu 100% vốn điều lệ thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt nhằm tạo sự linh hoạt, phù hợp với tình hình cơ cấu lại các ngân hàng yếu kém.  d) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 Thông tư 40 (về điều kiện tổng tài sản và tình hình tài chính) để phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“2. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được cấp Giấy phép khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện:*  *… d) Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước…”.* |
|  | **Chương III: QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN, TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ** |  |
| **Điều 10 Thông tư 04 quy định điều kiện để được cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân**  1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép.  2. Có tối thiểu 30 thành viên đáp ứng quy định tại Điều 31 Thông tư này, có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân.  3. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Điều 20, Điều 23 và Điều 24 Thông tư này.  4. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này.  5. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  6. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 năm đầu hoạt động. | **Điều 10. Điều kiện để được cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân**  1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép.  2. Có tối thiểu 30 thành viên ***đáp ứng điều kiện*** theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.  3. Người quản lý***, người điều hành,*** thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.  4. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.  5. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại ***Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan***.  6. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động. | Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số câu chữ để đầy đủ, phù hợp với đặc thù hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân (là loại hình tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng). |
| **Điều 31 Thông tư 04 quy định điều kiện để trở thành thành viên của quỹ tín dụng nhân dân**  **1. Đối với cá nhân:**  a) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thường trú hoặc đăng ký tạm trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp đăng ký tạm trú, cá nhân phải có hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc là người lao động làm việc trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và phải có tài liệu chứng minh về vấn đề này;  b) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức không được giữ các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh chuyên môn nghiệp vụ trừ trường hợp được chỉ định theo quy định tại khoản 4 Điều 20 và khoản 4 Điều 24 Thông tư này;  c) Không thuộc các đối tượng sau đây:  (i) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án; người đã bị kết án từ tội phạm nghiêm trọng trở lên mà chưa được xóa án tích;  (ii) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc ở những ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;  (iii) Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.  **2. Đối với hộ gia đình:**  a) Là hộ gia đình có các thành viên thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình;  b) Người đại diện của hộ gia đình phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.  **3. Đối với pháp nhân:**  a) Là pháp nhân (trừ Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện) đang hoạt động bình thường và có trụ sở chính đặt tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Người ký đơn đề nghị tham gia góp vốn quỹ tín dụng nhân dân phải là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân khác của pháp nhân làm đại diện tham gia quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật có liên quan. | **Điều 11. Điều kiện đối với thành viên *sáng lập* quỹ tín dụng nhân dân**  **1. Đối với cá nhân:**  a) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, thường trú hoặc đăng ký tạm trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp đăng ký tạm trú, cá nhân phải có hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc là người lao động làm việc trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và phải có tài liệu chứng minh về vấn đề này;  b) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên ***sáng lập*** của quỹ tín dụng nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức không được giữ các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh chuyên môn nghiệp vụ trừ trường hợp được chỉ định theo quy định của pháp luật;  c) Không thuộc các đối tượng sau đây:  i) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án; người đã bị kết án từ tội phạm nghiêm trọng trở lên mà chưa được xóa án tích;  ii) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc ở những ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;  iii) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.  **2. Đối với hộ gia đình:**  a) Là hộ gia đình có các thành viên thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình;  b) Người đại diện của hộ gia đình phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.  **3. Đối với pháp nhân:**  a) Là pháp nhân (trừ Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện) đang hoạt động bình thường và có trụ sở chính đặt tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Người ký đơn đề nghị tham gia góp vốn quỹ tín dụng nhân dân phải là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân khác của pháp nhân làm đại diện tham gia quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật có liên quan. | Dự thảo Nghị định giữ nguyên quy định tại Thông tư số 04. Đồng thời, bổ sung thêm cụm từ *“sáng lập”* để phù hợp với khái niệm *“thành viên sáng lập của quỹ tín dụng nhân dân”* quy định tại khoản 11 Điều 3 Dự thảo Nghị định và đúng với nội hàm của Điều 11. |
| **Điều 7 Thông tư 03 quy định điều kiện cấp Giấy phép**  1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ.  2. Có chủ sở hữu, thành viên sáng lập theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.  3. Có người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 20, 21, 22, 23 Thông tư này.  4. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Điều 31 Luật các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan.  5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động. | **Điều 12. Điều kiện cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô**  1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ thời điểm đề nghị cấp Giấy phép.  2. Có chủ sở hữu, thành viên sáng lập theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.  3. Có người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo ***quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.***  4. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan.  5. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 (ba) năm đầu hoạt động. | Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số câu chữ để đầy đủ, phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. |
| **Điều 8. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô**  1. Chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có chương trình, dự án tài chính vi mô được chuyển đổi theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ;  b) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;  c) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.  2. Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức chính trị hoặc tổ chức chính trị - xã hội;  b) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 (ba) năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;  c) Thành viên sáng lập là cá nhân:  (i) Có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;  (ii) Không thuộc những đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;  (iii) Không phải là cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;  (iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;  d) Thành viên sáng lập là tổ chức Việt Nam:  (i) Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam;  (ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;  (iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;  (iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;  (vi) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (vii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (viii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật;  đ) Thành viên sáng lập là tổ chức nước ngoài:  (i) Là ngân hàng nước ngoài;  (ii) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng của nước nguyên xứ trong vòng 05 (năm) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép.  (iii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;  (iv) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản. | **Điều 13. Điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô**  1. Chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo các điều kiện sau:  ***a) Là tổ chức chính trị - xã hội;***  b) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;  c) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.  2. Thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo các điều kiện sau:  ***a) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức chính trị - xã hội;***  b) Có ít nhất một thành viên sáng lập là tổ chức đã hoặc đang trực tiếp tham gia quản lý hoặc điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, bền vững trong ít nhất 03 (ba) năm liên tiếp trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;  c) Thành viên sáng lập là tổ chức, pháp nhân:  (i) Được thành lập theo pháp luật của Việt Nam;  (ii) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam;  (iii) Có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và cam kết không dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; cam kết hỗ trợ tổ chức tài chính vi mô về tài chính để giải quyết khó khăn trong trường hợp gặp khó khăn về vốn hoặc khả năng thanh khoản;  (iv) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 (hai mươi tư) tháng liền kề trước thời điểm nộp đơn đề nghị cấp Giấy phép;  (vi) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp phải hoạt động kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (vii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước thời điểm gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;  (viii) Trường hợp thành viên sáng lập là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm phải tuân thủ việc góp vốn theo các quy định liên quan của pháp luật. | - Dự thảo Nghị định *bỏ đối tượng là tổ chức chính trị, cá nhân* do đối tượng này không được tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024:  *“Điều 77. Quyền, nghĩa vụ của thành viên góp vốn*  *1. Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải là pháp nhân. Tổng số thành viên góp vốn không được vượt quá 05 thành viên. Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tối đa của một thành viên, một thành viên và người có liên quan không được vượt quá 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.*  *Việc góp vốn và tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của tổ chức trong nước và nước ngoài tại tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước”.*  - Đồng thời, theo định hướng mới tại Nghị định thay thế Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của *tổ chức chính trị*, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức phi chính phủ *không có quy định* về chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô.  - Ngoài ra, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 không hạn chế các loại hình TCTD khác không phải tổ chức TCVM cho vay đối tượng là người nghèo, thu nhập thấp với các khoản cho vay nhỏ. Nói cách khác, hoạt động cho vay TCVM có thể được thực hiện bởi các loại hình TCTD khác nhau, như NHTM, các TCTD phi ngân hàng, hệ thống QTDND,…. Theo đó: (i) các loại hình tổ chức tín dụng sẽ tập trung vào phân khúc khách hàng chiến lược khác nhau và vẫn có thể thực hiện cho vay các khoản cho vay nhỏ, lẻ như TCVM; (ii) tổ chức TCVM là loại hình tổ chức tín dụng hướng tới cho vay nhóm khách hàng có phân khúc thấp nhất trong “phân khúc khách hàng dưới chuẩn” và được thiết lập dưới hình thức trách nhiệm hữu hạn. Như vậy, *việc các nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu tham gia hoạt động TCVM có thể triển khai thông qua các loại hình TCTD khác.*  - Cùng với đó, lĩnh vực tài chính vi mô hiện nay đang được cung cấp bởi các loại hình TCTD có cơ cấu sở hữu khác nhau (ngân hàng hợp tác xã; ngân hàng chính sách xã hội; ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn; hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, bao gồm cả các chương trình, dự án tài chính vi mô). Do đó, loại hình tổ chức TCVM được thiết lập như hiện nay nhằm đảm bảo hài hòa mục tiêu giữa lợi ích thương mại và lợi ích xã hội, lợi ích cộng đồng, đặc biệt là với sự tham gia *“trọng yếu”* của các tổ chức chính trị - xã hội sẽ giúp cho việc đưa nguồn vốn tín dụng nhỏ, lẻ đến được phân khúc khách hàng thấp nhất trong nhóm khách hàng *“dưới chuẩn”* là những người yếu thế trong xã hội.  - Sau cùng, việc đa dạng hóa thành viên sáng lập của tổ chức TCVM theo hướng giảm vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội sẽ dẫn đến nguy cơ thương mại hóa quá mức, xa rời mục tiêu hoạt động ban đầu của tổ chức TCVM với sứ mệnh là cho vay người nghèo, thu nhập thấp, góp phần vào công cuộc giảm nghèo của đất nước. Bởi lẽ, việc tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của các tổ chức TCVM. Tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định trong điều lệ đoàn thể chính trị - xã hội (ví dụ như Tổng Liên đoàn Lao động VN đại diện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân…; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đại diện cho quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ…), hoạt động của đoàn thể nhằm vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, phát triển kinh tế, bảo vệ các lợi ích thiết thực, vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên…. Ngoài ra, các tổ chức chính trị - xã hội có mối quan hệ rất khăng khít với các thành viên, hội viên, nắm bắt được các thông tin, hoàn cảnh kinh tế gia đình của các thành viên, hội viên vay vốn. Hơn nữa, các tổ chức chính trị - xã hội cũng có mối quan hệ chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương (Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã…) nên giám sát được sát sao việc phát vay và thu hồi nợ của tổ chức TCVM đối với khách hàng vay vốn. |
|  | **Chương IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
|  | Điều 14. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2024. | Dự thảo Nghị định quy định hiệu lực thi hành phù hợp với thời điểm hiệu lực của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (có hiệu lực vào ngày 01/7/2024). |
|  | *Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp**1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và hồ sơ đề nghị chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng hợp lệ đã nộp đủ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ hoặc sửa đổi, bổ sung hồ sơ để thực hiện theo quy định tại Nghị định này.**2. Đối với các tổ chức tín dụng đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng không đáp ứng quy định về điều kiện đối với chủ sở hữu, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập tại Nghị định này thì vẫn được tiếp tục hoạt động và không phải điều chỉnh lại chủ sở hữu, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập.* | Dự thảo Nghị định quy định điều khoản chuyển tiếp để phù hợp với thực tế một số hồ sơ đề nghị cấp phép hợp lệ đã được nộp đủ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Ngoài ra, quy định chuyển tiếp còn cho phép các trường hợp tổ chức tín dụng đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng không đáp ứng quy định về điều kiện đối với chủ sở hữu, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập tại Nghị định này được tiếp tục hoạt động và không phải điều chỉnh lại chủ sở hữu, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập. |
|  | Điều 16. Trách nhiệm thi hành Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. | Dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm thi hành đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan. |

1. Gồm: (i) Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung) (Thông tư 40); (ii) Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung) (Thông tư 30); (iii) Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung) (Thông tư 04); (iv) Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô (đã được sửa đổi, bổ sung) (Thông tư 03). [↑](#footnote-ref-1)